TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 14/2021/QĐST-DS	*Bá Thước, ngày 02 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 15/03/2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự :

Nguyên đơn: Ông Trương Văn B ; Sinh năm 1958,

Nơi cư trú: Phố 2 – L X , thị trấn C, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn G ; Sinh năm 1975,

Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn C, huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 15/9/2019 anh Trịnh Văn G có vay của ông Trương Văn B 5000.000đ (Năm triệu đồng). Tháng 10 năm 2019 đã trả được 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Nay ông Trương Văn B và anh Trịnh Văn G tự nguyện thỏa thuận anh Trịnh Văn G có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn B 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền gốc và lãi thỏa thuận là 1,66%/tháng, tính lãi từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 đến 15 tháng 7 năm 2021 là 21 tháng. Tổng cả gốc và lãi anh Trịnh Văn G phải trả cho ông Trương Văn B là 6.203.560đ. Ông Trương Văn B tự nguyện bớt cho anh Trịnh Văn G 3.560đ (Ba nghìn năm trăm sáu mươi đồng). Anh Trịnh Văn G có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn B 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

2.2. Ông Trương Văn B và anh Trịnh Văn G tự nguyện thỏa thuận mỗi tháng anh G có trách nhiệm trả cho ông B 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 07 năm 2021 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

2.3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 3 Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Các đương sự tự nguyện thỏa thuận anh Trịnh Văn G có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí của số tiền phải trả 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn

đồng) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông Trương Văn B là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0007522 ngày 12 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5 Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Đương sự*
-*VKS cùng cấp*
-*THA dân sự*
-*GĐA*
-*Lưu hs*

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên